

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giáp và bà Hoàng Thị Thu Hà
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Chị Nông Thị T, sinh năm 1982 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn
Nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên
- Bị đơn:* Anh Nông Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn
Nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên

Hiện đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, Yên Bái nay là trại giam Hồng Ca, Lào Cai và đang được di lý tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn nay là Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nông Thị T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 08/5/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường với nhau. Sau đó có nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, to tiếng với nhau, anh H không tôn trọng chị T, thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị T. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên chơi cờ bạc, có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, không cùng chị T làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình, chị T vừa tự nuôi con vừa lo việc gia đình, việc xã hội.

Trong mấy năm gần đây vợ chồng tuy vẫn ở cùng nhà nhưng việc ai người đó làm không quan tâm, chia sẻ với nhau. Nhiều lần, chị T định làm đơn xin ly hôn nhưng anh H dọa giết, con còn nhỏ nên chị T lại chịu đựng không làm đơn xin ly hôn. Đến đầu năm 2024, anh H vi phạm pháp luật, bị bắt và sau đó phải đi chấp hành án thì vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Tùng L, sinh ngày 15/01/2020. Hiện nay con chung đang sống cùng chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 18/4/2025, bị đơn anh Nông Văn H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên vào năm 2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng không nảy sinh mâu thuẫn gì, anh H rất yêu thương vợ. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh H, anh H không nhất trí ly hôn vì anh H thương con, muốn con có đủ bố đủ mẹ, mong chị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Anh H xác định tình cảm với chị T đến nay là bình thường.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Tùng L, sinh ngày 15/01/2020. Anh H không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2025, ông Hoàng Văn T1 là trưởng thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên cung cấp thông tin như sau: Vợ chồng chị T, anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, to tiếng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên chơi cờ bạc, không làm ăn, phá tán các tài sản gia đình. Ông T1 và ông Hoàng Văn D1 là tổ viên tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở thôn N có đến nhà chị T anh H hoà giải 02 lần tuy nhiên không lập biên bản.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2025, ông Hoàng Văn D1 là tổ viên tổ bảo vệ an ninh trật tự cơ sở thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã Q, tỉnh Thái Nguyên cung cấp thông tin như sau: Chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Ông D1 nghe nói nguyên nhân là do anh H thường chơi cờ bạc, lừa đảo, không làm ăn lo cho gia đình. Ông D1 và ông T1 trưởng thôn có được đến nhà chị T, anh H để hoà giải tuy nhiên không lập biên bản.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2025, bà Kiều Thị T2 cung cấp thông tin như sau: Bà T2 là hàng xóm của chị T, anh H. Quá trình chung sống, chị T, anh H thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, có vài lần chị T, anh H cãi chửi nhau gay gắt, anh H đánh đuổi chị T, chị T phải chạy sang nhà bà T2 để trốn.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nông Thị T được ly hôn anh Nông Văn H. Giao con chung Nông Tùng L, sinh ngày 15/01/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị T có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nông Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn Nông Văn H cư trú tại thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn hiện nay là thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn nay là Toà án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành phối hợp với Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn nay là Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Thái Nguyên nơi anh Nông Văn H đang được di lý tạm giam để làm việc, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nông Văn H và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Toà án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H. Tại phiên toà lần thứ nhất vào ngày 30/6/2025 Toà án đã hoãn phiên toà theo quy định. Sau đó, Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên toà để anh H biết thời gian mở phiên toà lần thứ hai. Do anh H hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, Yên Bái nay là trại giam Hồng Ca, Lào Cai và đang được di lý tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh Thái Nguyên nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nông Văn H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Nông Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2020 (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 08/5/2020. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị T: Theo trình bày của chị T sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc trong thời gian đầu. Sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Trong cuộc sống vợ chồng không tôn trọng, tin tưởng nhau. Trong mấy năm gần đây tuy vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng việc ai người đó làm, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Đến năm 2024, anh H vi phạm pháp luật, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca, Yên Bái nay là trại giam Hồng Ca, Lào Cai và đang được di lý tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Thái Nguyên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trình bày của chị T phù hợp với các biên bản xác minh ngày 05/5/2025 và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Đồng thời, anh H xác định tình cảm với chị T đến nay là bình thường, lý do anh không nhất trí ly hôn là vì thương con, muốn con có đầy đủ bố mẹ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị T, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Tùng L, sinh ngày 15/01/2020.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T thấy: Hiện nay con chung đang ở cùng chị T và do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H hiện nay đang chấp hành án do đó không có điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con đồng thời tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh H nhất trí để chị T trực tiếp nuôi con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn chị Nông Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nông Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Nông Văn H.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nông Tùng L, sinh ngày 15/01/2020 cho chị Nông Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nông Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Nguyên đơn chị Nông Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003674 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- UBND xã Côn Minh, tỉnh Thái Nguyên
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tạ Huyền Trang